

# CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

 ĐỖ AN LỤC\*

Ngày nhận: 12/3/2019

Ngày phản biện: 15/4/2019

Ngày duyệt đăng: 24/5/2019

**Tóm tắt:** Cuộc CMCN 4.0 đang diễn ra từng ngày, từng giờ đối với tất cả các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, mỗi một quốc gia có những đặc điểm kinh tế - văn hóa - xã hội, điều kiện tự nhiên địa lý khác nhau; do đó, muốn đi tắt, đón đầu để phát triển nhanh, các quốc gia cần nắm bắt những cơ hội và thách thức. Việt Nam một quốc gia có hơn 700.000 doanh nghiệp trong đó có khoảng 95% doanh nghiệp vừa và nhỏ, đòi hỏi phải nắm vững cơ hội, đồng thời biết được những thách thức để đối phó, hội nhập trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa:** Cách mạng công nghiệp 4.0; cơ hội và thách thức; doanh nghiệp 4.0.

## OPPORTUNITIES AND CHALLENGES FOR VIETNAMESE ENTERPRISES IN THE CONTEXT OF THE INDUSTRIAL REVOLUTION 4.0

**Abstract:** The industrial revolution 4.0 is taking place every day, every hour for all countries in the world including Vietnam. However, each country has different economic - cultural - social characteristics, natural geographic conditions; therefore, in order to go short and be proactive to develop rapidly, countries need to grasp opportunities and challenges. Vietnam has a country of more than 700,000 enterprises, of which about 95% of small and medium enterprises, need to understand the opportunities, and know the challenges to cope and integrate in the current context.

**Keywords:** Industrial revolution 4.0; opportunity and challenge; Enterprise 4.0.

### 1. Nhận diện cách mạng công nghiệp 4.0

Theo Gartner, Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư 4.0 (nhiều chuyên gia còn gọi là Cách mạng Công nghiệp 4.0) xuất phát từ khái niệm “Industrie 4.0” trong một báo cáo của chính phủ Đức năm 2012. “Industrie 4.0” được hiểu là kết nối các hệ thống nhúng và cơ sở sản xuất thông minh để tạo ra sự hội tụ kỹ thuật số giữa công nghiệp, kinh doanh, chức năng và quy trình bên trong, nó kết hợp các công nghệ lại với nhau, làm mờ ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật số và sinh học.

Về bản chất của CMCN 4.0 là xu hướng tự động hóa và trao đổi dữ liệu trong công nghệ sản xuất. Nó bao gồm các Hệ thống Thực - Ảo (Cyber - Physical Systems - CPS), Mạng lưới vạn vật kết nối internet (Internet of Things - IoT) và điện toán đám mây (Cloud Computing). Trong đó, mỗi công dân có thể trở thành một doanh nghiệp (DN) số. Mọi DN đều trở thành DN số. Mọi lãnh đạo trở thành lãnh đạo số. Mọi chính phủ trở thành chính phủ số. Hay nói cách

khác, bản chất của CMCN 4.0 là dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất; nhấn mạnh những công nghệ đang và sẽ có tác động lớn nhất là công nghệ in 3D, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa, người máy,...

Cuộc CMCN 4.0 đang diễn ra, là đặc trưng bởi sự hợp nhất, không có ranh giới giữa các lĩnh vực công nghệ, vật lý, kỹ thuật số và sinh học. Đây là xu hướng kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực thể, vạn vật kết nối Internet (IoT) và các hệ thống kết nối Internet (IoS). Những đột phá công nghệ diễn ra trong nhiều lĩnh vực kể trên với tốc độ rất nhanh và tương tác thúc đẩy nhau đang tạo ra một thế giới được số hóa, tự động hóa và ngày càng trở nên hiệu quả và thông minh hơn. Cuộc CMCN 4.0 có những tác động to lớn về kinh tế, xã hội và môi trường ở tất cả các

\* Trường Đại học Công đoàn

cấp - toàn cầu, khu vực và trong từng quốc gia. Các tác động này mang tính rất tích cực trong dài hạn, song cũng tạo ra nhiều thách thức điều chỉnh trong ngắn đến trung hạn.

## **2. Cơ hội và thách thức đối với các DN Việt Nam**

### **2.1. Cơ hội đối với các DN Việt Nam**

Cũng giống như các cuộc cách mạng công nghiệp trước đó, cách mạng 4.0 có nhiều cơ hội cho các DN. Nếu các DN biết nắm bắt cơ hội, vượt qua được thách thức thì tiềm năng phát triển DN Việt Nam rất lớn, cụ thể:

**Thứ nhất,** tạo ra động lực để DN phải thay đổi tư duy về phương thức sản xuất, kinh doanh, quản lý. Trong phạm vi sản xuất, kinh doanh, Cách mạng Công nghiệp 4.0 cho phép mức độ tự do và linh hoạt cao hơn trong quá trình sản xuất, tạo ra các sản phẩm đầu tư được tùy biến cá nhân và sản xuất tại chỗ. Ranh giới giữa các ngành công nghiệp truyền thống, giữa các ứng dụng công nghiệp và phi công nghiệp có thể bị xóa nhòa. Không chỉ sản phẩm mà các dịch vụ cũng sẽ được tạo ra hàng loạt bằng phương pháp công nghiệp. Do đó, nếu không muốn tụt hậu so với các CN khác, thì DN phải đổi mới tư duy, thay đổi phương thức sản xuất, kinh doanh, nhất là tư duy về thị trường và tư duy quản trị.

**Thứ hai,** Tạo điều kiện để phát triển DN và mở rộng qui mô sản xuất của DN, đa dạng hoá thị trường và các kênh giao thương. Khi kết hợp nhiều công nghệ mới để tạo ra những sản phẩm khác biệt, có giá trị độc đáo thì DN mới cạnh tranh được với các DN khác trong việc thu hút người tiêu dùng. Với nhiều công nghệ đột phá mang tính sáng tạo, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang loại bỏ dần ưu thế của kinh nghiệm, phương thức quản trị cũ và mô hình kinh doanh cũ. Những quốc gia đang phát triển như các nước ASEAN nếu tạo dựng được môi trường thuận lợi cho cái mới nảy nở, lan tỏa, khuyến khích mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới đến từ đổi mới sáng tạo, thì hoàn toàn có cơ hội để các DN phát triển nhanh, bền vững, và bao trùm trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0

**Thứ ba,** Cải thiện đáng kể năng suất lao động. Theo Tổng cục Thống kê 2017, năng suất lao động của người Việt Nam năm 2016 đạt gần 10.000 USD, thấp nhất trong khu vực, chỉ bằng 7% so với người Singapore, 17% người Malaysia, 42% người Indonesia và 87% so với người Lào. Không những thế, so với các năm trước, sự chênh lệch giữa năng suất lao động của Việt Nam so với các nước trong

khu vực ngày càng tăng. CMCN 4.0 là cơ hội rất lớn cho Việt Nam trong việc áp dụng công nghệ, học hỏi kinh nghiệm trong quản trị,... nhằm cải thiện “cái mà chúng ta đang rất kém” là năng suất lao động. Nếu cứ tiếp tục như hiện nay, người Việt Nam sẽ tiếp tục bị tụt hậu - Đây là cơ hội bằng vàng cho chúng ta ứng dụng CNTT đến tận gốc rễ để tăng được năng suất lao động. Nền công nghiệp số hóa giúp tăng năng suất lao động, cải thiện kết nối thông tin, tiết kiệm chi phí, giảm thiểu thời gian xử lý mang lại lợi ích to lớn cho DN.

**Thứ tư,** Giảm thiểu chi phí vận chuyển và thông tin liên lạc. Ứng dụng công nghệ hiện đại hỗ trợ phát triển sản phẩm dịch vụ mới trong quản trị điều hành, hoạch định chiến lược. Bên cạnh đó, còn tăng khả năng tiếp cận thông tin, dữ liệu, kết nối, hợp tác; tăng cơ hội kinh doanh mới (dựa trên công nghệ số, như: thương mại điện tử, tài chính số...); tăng khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực, tham gia hệ sinh thái điện tử kết hợp tài chính, y tế, bảo hiểm, du lịch, giáo dục, thương mại và kinh doanh bất động sản... góp phần tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

**Thứ năm,** Tối ưu hoá chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong thời đại 4.0, DN Việt Nam bắt buộc phải hướng tới, không chỉ là công nghệ số, kỹ thuật dữ liệu hay kỹ thuật vật lý, mà ngay cả công nghệ sinh học cũng phải được quan tâm, nhất là với lĩnh vực nông nghiệp, chế biến thực phẩm. Khi kết hợp nhiều công nghệ mới, sản phẩm mang tính độc đáo đột phá sẽ tạo sức hấp dẫn người tiêu dùng. Bên cạnh đó, phải có cơ chế ràng buộc các DN có vốn đầu tư nước ngoài tham gia phát triển chuỗi cung ứng nội địa, có cơ chế đặc biệt khuyến khích DN trong nước đầu tư tham gia chuỗi cung ứng nội địa.

**Thứ sáu,** Học hỏi kiến thức và kinh nghiệm trong sản xuất và quản lý của các tập đoàn lớn mạnh khác trên thế giới. Sự bùng nổ của cuộc cách mạng 4.0 hứa hẹn sẽ mang lại cho cộng đồng DN Việt Nam những cơ hội làm ăn mới nhưng vấn đề là phải tìm ra hướng đi và kinh doanh hiệu quả. Để tận dụng được cơ hội này, các DN cần tự thân vận động, tăng cường tự học hỏi, nâng cao trình độ, liên tục cập nhật xu hướng và tiến bộ công nghệ, tăng cường công tác đào tạo cho cán bộ, nhân viên của mình bởi chính kiến thức, tri thức sẽ giúp DN mở ra cánh cửa để hòa vào thế giới. Cách mạng công nghiệp 4.0 buộc DN phải thay đổi mô hình kinh doanh, tổ chức, quản trị và văn hóa kinh doanh, đòi hỏi DN phải thay đổi, đầu tư lớn cho hệ thống

công nghệ thông tin và tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng cao. DN học hỏi được kinh nghiệm, kỹ năng quản lý nguồn nhân lực đa thế hệ, kỹ năng quản trị DN hiện đại, năng suất lao động cần phải tăng cao hơn. Nguồn nhân lực cần phải am hiểu công nghệ, có khả năng đa nhiệm, tự tin, độc lập, có nhu cầu học hỏi lớn.

**Thứ bảy,** DN sẽ tăng trưởng nhanh nếu cập nhật kịp thời xu hướng công nghệ. Ứng dụng công nghệ mới giúp giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động nhờ tự động hóa sản xuất, phân tích Big Data và ứng dụng Business Intelligence, kết nối chuỗi cung ứng, khai thác nền tảng kết nối dữ liệu, số hóa. Phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới mang tính đột phá, tạo ra những cách hoàn toàn mới để phục vụ nhu cầu người dùng, ảnh hưởng và những thay đổi to lớn trong chuỗi cung ứng toàn cầu và vận hành cung - cầu trên thị trường thế giới; mở rộng thị trường không giới hạn thông qua không gian mạng như bán hàng trực tuyến, bán hàng xuyên quốc gia; bứt phá lấy tri thức làm đầu khi khởi nghiệp sáng tạo. Lợi thế của những nước đi sau như Việt Nam so với các nước phát triển, không bị hạn chế bởi quy mô công kênh, quán tính lớn, nên bứt phá nhanh chóng.

## 2.2. Thách thức đối với các DN Việt Nam

Bên cạnh những cơ hội như đã phân tích ở trên, CMCN 4.0 cũng có nhiều thách thức đối với cộng đồng DN Việt Nam:

**Thứ nhất,** nhận thức và sự quan tâm của cộng đồng DN về cuộc CMCN 4.0 còn hạn chế. Theo báo cáo của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) hiện nay, chỉ có 25 quốc gia trên thế giới đang sẵn sàng cho CMCN 4.0. Việt Nam không nằm trong nhóm này, chỉ số xếp hạng về công nghệ và đổi mới sáng tạo là 23/100. Nhiều chuyên gia cho rằng, hầu hết các DN trong nước vẫn cho rằng cuộc CMCN 4.0 có tác động ít hoặc không tác động tới nước ta. Thậm chí, nhiều DN không biết cuộc CMCN 4.0 là gì. Theo báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), mặc dù VCCI đã bắt đầu xây dựng cộng đồng mở về Internet vạn vật (IoT) từ năm 2017, nhưng nhiều DN, cơ quan quản lý nhà nước vẫn còn khá ngỡ ngàng. Một số đơn vị vẫn chỉ mới nắm bắt ở dạng nhận thức, nhưng thực tế lộ trình chuyển mình như thế nào thì chưa có.

Hầu hết mọi người đều đang nghe và biết rõ rằng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang đến rất gần nhưng lại không hiểu rõ bản chất của nó và không biết phải ứng dụng nó ra sao. Đặc biệt DN nhỏ và

vừa dù họ biết đến những thuật ngữ như “vạn vật kết nối”, “ứng dụng IoT” nhưng họ không rõ rằng sẽ ứng dụng cái gì trong đó. Nhiều DN đang mơ hồ với cách mạng 4.0 và khi không biết phải bắt đầu từ đâu. DN trong xu thế của cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ phải bước chân vào một thế giới phẳng, phải cạnh tranh với toàn cầu, không chỉ đơn thuần cạnh tranh trong một địa phương, một tỉnh, một quốc gia. Như vậy, nếu DN nào thờ ơ với xu thế này cũng đồng nghĩa DN tự bước ra khỏi cuộc chơi toàn cầu.

Cho đến nay Việt Nam vẫn chưa chính thức có một mục tiêu về thúc đẩy công nghiệp 4.0. Đồng nghĩa với đó là các DN Việt Nam sẽ phải đối mặt với nguy cơ tụt hậu ngày càng xa, dư thừa lao động trình độ thấp, nhập khẩu công nghệ lạc hậu, mất an toàn, an ninh thông tin.

**Thứ hai,** sự lạc hậu về khoa học - công nghệ của các DN Việt Nam. Đa số các DN Việt Nam là vừa và nhỏ (trên 95%), sản xuất với công nghệ lạc hậu so với mức trung bình của thế giới từ 2 đến 3 thế hệ, 76% máy móc, dây chuyền công nghệ được sản xuất từ những năm 1950 - 1960, 75% số thiết bị đã hết khấu hao, 50% số thiết bị là đồ tân trang... Tóm lại, máy móc, thiết bị đang được sử dụng ở các DN Việt Nam chỉ có 10% hiện đại, 38% trung bình và 52% là lạc hậu và rất lạc hậu; tỷ lệ sử dụng công nghệ cao mới chỉ có 2% (tỷ lệ này ở Thái Lan là 31%, Ma-lai-xi-a là 51% và Xin-ga-po là 73%). Trong khi đó, các DN nước ta đầu tư cho đổi mới công nghệ rất thấp, chi phí khoảng 0,2% - 0,3% tổng doanh thu.

Kết quả khảo sát mới đây của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cho thấy, có tới 75% DN sản xuất trong nước đang sử dụng máy móc hết khấu hao. Các DN nhỏ và vừa vẫn đang sử dụng các thiết bị, máy móc có công nghệ đã lạc hậu từ 2 đến 3 thế hệ. Ngoài ra, có tới 24% DN đang sử dụng công nghệ ở mức trung bình và chỉ có 1% DN sử dụng công nghệ tiên tiến. Nếu các doanh nghiệp Việt Nam không có những chiến lược, chính sách, kế hoạch hành động trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0; không có những bước đi chính xác, cụ thể thì nguy cơ bị phá sản là điều rất dễ xảy ra.

Công nghệ đã và đang làm thay đổi ở nhiều lĩnh vực, trong đó thương mại điện tử đang thay đổi hành vi và thói quen của người dùng. Cách đây khoảng 10 năm, sẽ khó hình dung câu chuyện người tiêu dùng có thể đặt hàng từ nước ngoài về Việt Nam, nhưng những năm gần đây hàng nhập từ nước ngoài về dễ dàng thông qua công cụ như Amazon, Alibaba, Lazada... và đó là thách thức của các DN sản xuất

tại Việt Nam. Nếu “lạc nhịp” về công nghệ, DN sẽ phải thu hẹp quy mô, thậm chí sẽ bị đào thải khỏi thị trường.

**Thứ ba**, năng lực quản trị DN hạn chế; trong khi đó Việt Nam có rất ít DN đủ tầm vươn ra thế giới; điều đó dẫn đến khả năng ảnh hưởng trên thị trường thấp. Thực tế, hiện nay, DN vừa và nhỏ Việt Nam thiếu tư duy và tầm nhìn trong lập kế hoạch cho hoạt động tài chính, khả năng kiểm soát tài chính DN còn yếu và thụ động. Cùng với đó, các lãnh đạo DN chưa nhận thức đầy đủ về vai trò và tác dụng tích cực của quản trị tài chính nên chưa quan tâm đúng mức việc lập các kế hoạch tài chính. Đa phần quản lý DN nhỏ và vừa xuất phát từ các xưởng sản xuất nhỏ, các tổ nhóm sản xuất, các hộ gia đình nên các chủ DN này thường quản trị DN theo cảm tính, sự thuận tiện, dựa trên cơ sở về quan hệ cá nhân và sự tin tưởng. Khi DN còn nhỏ, giám đốc có thể kiểm soát mọi việc thì có thể không có nhiều vấn đề nảy sinh. Nhưng khi DN lớn dần, phương pháp quản trị tài chính này trở nên khủng hoảng dẫn đến kinh doanh không hiệu quả, thua lỗ, phá sản trong khi bên bờ thành công ngay trước mặt và nếu có kế hoạch và kế sách tài chính tốt.

**Thứ tư**, Cạnh tranh khốc liệt giữa các DN là một điều không thể tránh khỏi trong khi đó năng lực cạnh tranh của các DN Việt Nam hiện còn rất hạn chế. Bởi lẽ, đa số các DN đều có quy mô nhỏ và ít vốn. Theo điều tra mới nhất hiện có 51,3% DN có dưới 10 người lao động, 44% DN có từ 10 đến 200 lao động, chỉ có 1,43% DN có từ 200 đến 300 lao động, 42% DN có vốn dưới 1 tỉ đồng, 37% DN có vốn từ 1 tỉ đến 5 tỉ đồng và chỉ có 8,18% DN có vốn từ 5 tỉ đến 10 tỉ đồng. Trong điều kiện quy mô DN nhỏ, vốn ít các DN Việt Nam lại gặp một thách thức rất lớn đó là chất lượng nhân lực của DN thấp. Đội ngũ chủ DN, cán bộ quản lý DN còn rất thiếu kiến thức quản trị và kỹ năng kinh nghiệm quản lý. Kết quả điều tra hơn 63.000 DN trên cả nước cho thấy: 43,3% lãnh đạo DN có trình độ học vấn dưới trung học phổ thông, số chủ DN có trình độ thạc sỹ trở lên chỉ có 2,99%[4]. Có thể nói, đa số các chủ DN và giám đốc DN tư nhân chưa được đào tạo một cách bài bản về kiến thức kinh doanh, quản lý, kinh tế - xã hội, văn hóa, luật pháp... và kỹ năng quản trị kinh doanh, nhất là kỹ năng kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế. Điều đó được thể hiện rõ trong việc nhiều DN chưa chấp hành tốt các quy định về thuế, quản lý nhân sự, quản lý tài chính, chất lượng hàng hóa, sở hữu công nghiệp...

Trên thực tế, trong nhiều sản phẩm của Việt Nam yếu tố cấu thành của tri thức, công nghệ thấp, trong khi yếu tố sức lao động và nguyên vật liệu cao... Điều đó làm cho sức cạnh tranh thấp, chất lượng sản phẩm không có ưu thế rõ rệt trên thị trường.

**Thứ năm**, chiến lược phân phối, chiến lược truyền thông và xúc tiến thương mại của các DN Việt Nam còn nhiều hạn chế. Đa số các DN Việt Nam có quy mô vừa và nhỏ nên hạn chế tầm hoạt động và mạng lưới phân phối sản phẩm. Trong khi đó, hoạt động xúc tiến thương mại còn giản đơn, sơ lược và không có hiệu quả thiết thực. Có rất ít DN xây dựng được chương trình xúc tiến, giới thiệu một cách bài bản về sản phẩm cho khách hàng. Hầu hết các DN chưa nhận thức đúng được giá trị và ý nghĩa của xúc tiến thương mại, quảng cáo... Vì vậy, chi phí cho quảng cáo rất thấp, chỉ dưới 1% doanh thu (tỷ lệ này của các DN nước ngoài chiếm khoảng 10% đến 20% doanh thu).

**Thứ sáu**, thách thức về an ninh mạng. Việt Nam xếp ở vị trí thứ 7 thế giới với gần 60 triệu người dùng Facebook. Tình hình an ninh mạng nước ta ngày càng diễn biến phức tạp, đặt ra nhiều nguy cơ thách thức không chỉ đối với nhiệm vụ phòng ngừa, đấu tranh đối với các hoạt động sử dụng không gian mạng để kích động biểu tình, phát tán thông tin xấu độc, vu khống, sai sự thật, bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng, phòng chống lợi dụng mạng để tiến hành các hoạt động khủng bố, tuyên truyền chống phá chế độ; mà mỗi năm có hàng chục ngàn cuộc tấn công nhằm vào các cơ quan chính phủ, các hệ thống tài chính, ngân hàng, hạ tầng thông tin trọng yếu, trang web của các cơ quan tổ chức, DN tại Việt Nam... nhằm đánh cắp thông tin, bí mật nhà nước, thành tựu khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ; các loại virus, mã độc, vũ khí mạng xuất hiện ngày càng nhiều, một số loại được thiết kế chuyên biệt, hết sức nguy hiểm. Trong khi đó, hệ thống mạng thông tin nước ta còn nhiều lỗ hổng bảo mật nghiêm trọng, không được kiểm tra, đánh giá thường xuyên. Khả năng phòng, chống tấn công mạng của hệ thống thông tin, sản phẩm, dịch vụ mạng còn yếu kém, chưa ngăn chặn được các cuộc tấn công mạng cường độ cao. Các cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, hệ thống thông tin ở nước ta không theo một tiêu chuẩn thống nhất, thiếu sự thẩm định về an ninh mạng.

Cả nước hiện có 56 DN cung cấp dịch vụ Internet và hơn 100 DN cung cấp dịch vụ viễn thông nhưng

(Xem tiếp trang 11)

để hiểu đầy đủ, sâu sắc nội dung ý nghĩa của việc phê bình và phê bình trong Đảng, giúp đỡ đảng viên nâng cao bản lĩnh chính trị trong sinh hoạt Đảng, trong đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, đồng thời tạo cho đảng viên trong chi bộ có ý thức, nghiêm túc trong tự phê bình và phê bình.

Để có thể thực hiện đúng, có chất lượng và bảo tính hiệu quả trong tự phê bình và phê bình thì cấp ủy đảng cần trang bị cho cán bộ, đảng viên của mình đầy đủ những kiến thức, thông tin cần thiết. Bởi vì, sự bất cập về trình độ kiến thức, thiếu thông tin hoặc thông tin sai lệch của cán bộ, đảng viên sẽ hạn chế rất nhiều đến chất lượng tự phê bình và phê bình. Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác cho cán bộ, đảng viên để mọi người vừa có đủ bản lĩnh, dũng khí, hiểu biết, vừa có cái tâm trong sáng, trung thực, dám bảo vệ cái đúng, phê phán cái sai, làm cho ý kiến phê bình của mình được chính xác, có hàm lượng trí tuệ và có tính thuyết phục cao. Khắc phục tình trạng bưng bít sự thật, không dám công khai hoặc thông tin sai lệch làm ảnh hưởng đến hiệu quả của tự phê bình và phê bình.

*Ba là*, phát huy vai trò gương mẫu của người đứng đầu trong sinh hoạt chi bộ.

Để đảm bảo cho sinh hoạt chi bộ diễn ra theo đúng tinh thần khách quan, có hiệu quả, có chất lượng thì người đứng đầu trong cơ quan, đơn vị phải là những người không “ưa nịnh”, biết tiếp thu, lắng nghe những ý kiến góp ý thẳng thắn từ đồng chí, đồng nghiệp mà không mất lòng, không để tâm và có ý tư thù, trập dập người góp ý, phê bình mình. Có như vậy phê bình mới trở về với đúng nghĩa của nó mà không bị biến tướng thành “phê bình nịnh”.

*Bốn là*, thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt chi bộ.

Công tác kiểm tra, giám sát thuộc chức năng lãnh đạo của Đảng, là nội dung quan trọng bảo đảm nghị quyết của Đảng thực hiện có hiệu quả trên thực tế. Để thực hiện tốt nội dung này, các cấp ủy, chi bộ cần có kế hoạch kiểm tra, giám sát cụ thể đối với từng chi bộ trong Đảng bộ mình. Nội dung cần gắn chặt kết quả thực hiện tự phê bình và phê bình với phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên trước tổ chức Đảng và quần chúng. Duy trì nền nếp chế độ, nguyên tắc, thủ tục, nội dung và thực hiện dân chủ trong tự phê bình và phê bình, nhận thức thái độ, động cơ trách nhiệm trong tự phê bình và phê bình, tính đấu tranh để xây dựng chi bộ... Qua

kiểm tra cần chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm, kịp khắc phục những khâu yếu, mặt yếu và đề ra các giải pháp giúp cấp ủy, chi bộ và đảng viên tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, góp phần nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt và hoạt động của chi bộ.

*Năm là*, cần phải phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm liên quan đến cá nhân, tổ chức có những biểu hiện và hành vi trù dập những người làm công tác phê bình cũng như cần phải đổi mới nội dung và hình thức tự phê bình và phê bình của cán bộ, đảng viên theo hướng dân chủ, thẳng thắn, khách quan. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.CTQG, Hà Nội, 2011, tập 5.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.CTQG, Hà Nội, 2011, tập 6.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.CTQG, Hà Nội, 2011, tập 7.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.CTQG, Hà Nội, 2011, tập 11.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.CTQG, Hà Nội, 2011, tập 15.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng (tại Đại hội IV), Nxb. Sự thật, H.1977.

## CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI...

(Tiếp theo trang 41)

các DN vẫn chưa có cơ chế thống nhất trong hợp tác, xây dựng, thiết kế cơ sở hạ tầng mạng, do đó tình trạng nhiều DN đầu tư cơ sở hạ tầng giống nhau, thiết bị không đồng bộ, cùng kinh doanh một loại hình dịch vụ đã tạo ra một thị trường phân tán, gây lãng phí ngân sách, lãng phí về tài nguyên số, gây khó khăn cho công tác quản lý của cơ quan chức năng. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Công thương (2017), “Kỷ yếu diễn đàn cách mạng công nghiệp 4.0”.
2. Trần Thị Vân Hoa (2018), “*Cách mạng công nghiệp 4.0 - Vấn đề đặt ra cho phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam*”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đại học Lao động xã hội - Cơ sở 2 (2019), “*Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến quan hệ lao động và chất lượng việc làm trong doanh nghiệp FDI Việt Nam hiện nay*”, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
4. Tổng cục Thống kê, Điều tra Lao động - Việc làm, 2017
5. <http://www.dankinhhte.vn/khai-quat-tinh-hinh-phat-trien-cua-cac-doanh-nghiep-viet-nam/> [cập nhật 15h00 ngày 21/5/2019].
6. <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/kinh-doanh/2018-02-06/c-a-nuoc-co-561064-doanh-nghiep-dang-hoat-dong-53582.aspx> [cập nhật 15h00 ngày 21/5/2019].